

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày 28/11/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh và ông Lương Văn Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 10 năm 2022 và ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2022/TLST- KDTM ngày 05/7/2022 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2022, thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 10/10/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2022/QĐST- KDTM ngày 31/10/2022 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng S ; Địa chỉ: Tầng 14, Khối A, tòa nhà SĐ, đường PH, phường MĐ, quận TL, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Chu Bá Đ - Chuyên viên pháp lý Văn phòng Luật sư 365; địa chỉ: Số 28, ngách 111/1 đường NX, phường HĐ, quận TX, thành phố Hà Nội. (có mặt).

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Xây dựng S : Ông Chu Bá Đ, chuyên viên pháp lý Văn phòng Luật sư 365; địa chỉ: Số 28, ngách 111/1 đường NX, phường HĐ, quận TX, thành phố Hà Nội.(có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần phát triển F; địa chỉ: Khu Công nghiệp K, N phía nam, Huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường G1 - giám đốc Công ty.
 - *Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông Nguyễn Xuân C - nhân viên Công ty cổ phần phát triển F; Địa chỉ: Khu Công nghiệp K, N phía nam, Huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 - **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Công ty TNHH Điện tử T; trụ sở chính: Lô B10, B12 khu CNĐT, thị trấn N1, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Jeong Kyu J - Tổng giám đốc công ty.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án Công ty TNHH Xây dựng S, do ông Chu Bá Đ đại diện theo ủy quyền khai: Tháng 12/2019, Công ty TNHH Xây dựng S nhận thi công xây dựng điện và cơ cho Công ty TNHH điện tử T, địa chỉ tại: Lô FJ09-FJ10 Khu phía Nam KCN K - N.

Theo quy định của Ban quản lý Khu Công nghiệp K - N ở phía nam (tức Công ty cổ phần phát triển F) thì trước khi nhà thầu thi công xây dựng với công ty nào thuộc khu công nghiệp K - N phía nam thì sẽ phải đặt cọc cho Ban quản lý Khu công nghiệp K - N ở phía nam (Công ty cổ phần phát triển F) số tiền để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng, nhằm đảm bảo việc cơ sở hạ tầng ở khu công nghiệp không bị hư hại, hỏng hóc và giằng buộc trách nhiệm nhiệm pháp lý của các đơn vị thi công.

Theo đó, ngày 25/12/2019 Công ty TNHH Xây dựng S đã ký *Biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI ngày 25/12/2019*. Theo biên bản cam kết này thì Công ty TNHH Xây dựng S đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty cổ phần phát triển F trước khi thi công 7 ngày và thời gian thi công là ngày từ ngày 25/12/2019 đến ngày 31/7/2020. Ngày 14/01/2020 Công ty TNHH Xây dựng S đã chuyển đủ số tiền đặt cọc cho Công ty cổ phần phát triển F số tiền 200.000.000 đồng như cam kết. Trong quá trình thi công Công ty TNHH Xây dựng S đã hoàn thành việc xây dựng với Công ty TNHH điện tử T và được Công ty TNHH điện tử T lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đợt 1 vào ngày 01/9/2020 với nội dung là xác nhận đã hoàn thành công trình. Theo nghiệm thu còn thể hiện Công ty TNHH Xây dựng S đã đạt chất lượng kỹ thuật như trong tiêu chuẩn kỹ thuật và trong hợp đồng 2 bên đã ký kết và phía Công ty TNHH Xây dựng S không gây hư hỏng hay làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường .

Ngày 18/9/2020 Công ty TNHH Xây dựng S đã gửi công văn đề nghị Công ty cổ phần phát triển F hoàn trả số tiền đặt cọc theo thỏa thuận, trong đó đã xác định hoàn toàn tuân thủ các cam kết mà Ban quản lý khu công nghiệp yêu cầu, đã thanh toán đầy đủ số tiền duy tu, bảo trì đường bộ và không có bất kỳ vi phạm nào. Tuy nhiên, phía Công ty cổ phần phát triển F đã không trả lại số tiền đặt cọc. Ngày 20/10/2020 Công ty TNHH Xây dựng S tiếp tục gửi email đến Công ty cổ phần phát triển F yêu cầu hoàn trả số tiền đặt cọc nhưng họ vẫn không trả.

Nay, Công ty TNHH Xây dựng S đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần phát triển F hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng S số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng theo biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu công nghiệp phụ trợ Fuji ngày 25/12/2019. Ngoài ra, còn buộc Công ty Cổ phần phát triển F trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến hết ngày 04/8/2022 số tiền lãi do chậm thanh toán là: 53.928.767 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trên, ngày 05/8/2022 phía Công ty Cổ phần phát triển F đã hoàn trả tiền đặt cọc 200.000.000 đồng cho Công ty TNHH Xây dựng S nên Công ty TNHH Xây dựng S không yêu cầu về số tiền đặt cọc này nữa và có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng này. Vậy, đến nay Công ty TNHH Xây dựng S chỉ yêu cầu Công ty cổ phần phát triển F phải trả Công ty TNHH Xây dựng S số tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/9/2020 (ngày Công ty TNHH điện tử T ký biên bản nghiệm thu) tính đến hết ngày 04/8/2022, cụ thể là 703 ngày, với lãi suất 14%/ năm theo lãi suất trung bình của 3 ngân hàng nhà nước (Vietcombank, ViettinBank và Agribank) là 53.928.767 đồng.

Phía Công ty cổ phần phát triển F không đồng ý trả cho Công ty TNHH Xây dựng S tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền thì Công ty TNHH Xây dựng S không nhất trí, với các lý do sau:

Thứ nhất: Các hợp đồng ký kết với Công ty TNHH điện tử T đã hoàn thành và không có vướng mắc gì.

Thứ hai: Công ty S đã có văn bản xác nhận của Công ty TNHH điện tử T về việc hoàn thành các công việc theo thỏa thuận (hết giai đoạn 1 dự án) và không tiếp tục thực hiện thêm các giai đoạn xây dựng nào khác và trong quá trình thi công xây dựng, xây lắp theo hợp đồng thi công đã ký giữa Công ty TNHH Xây dựng S và Công ty TNHH điện tử T đã tuân thủ các quy định của Công ty TNHH điện tử T và tuân thủ quy định của Ban quản lý khu công

nghiệp, không làm hư hại hồng hóc, công trình có liên quan hoặc các sự cố trong quá trình thi công xây dựng và không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường.

Thứ ba: Phía Công ty cổ phần phát triển F và Công ty TNHH Xây dựng S có cam kết là phải có thông báo về việc hoàn công công trình thi công xây dựng trong khu công nghiệp phụ trợ Fuji được cơ quan chức năng phê duyệt và hồ sơ kèm theo (cơ quan chức năng ở đây là Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang là đúng). Tuy nhiên, vì Công ty TNHH Xây dựng S chỉ thi công giai đoạn 1 nên không có thông báo của cơ quan chức năng trên, không cung cấp được cho Tòa án. Việc dừng thi công ở giai đoạn 1 là do Công ty TNHH Xây dựng S và Công ty TNHH điện tử T tự thỏa thuận với nhau.

Vì vậy, Công ty TNHH Xây dựng S khẳng định đến ngày 31/7/2020 thì công ty đã hoàn thành việc thi công công trình đợt 1 đối với Công ty TNHH điện tử T. Ngày 06/8/2020 Công ty TNHH Xây dựng S đã gửi đến Công ty cổ phần phát triển F công văn đề nghị ngừng thu phí duy trì đường nội bộ khu công nghiệp phụ trợ Fuji, do công trình của Công ty TNHH điện tử T dừng thi công từ tháng 6 năm 2020.

Đến ngày 01/9/2020 thì Công ty TNHH Xây dựng S và Công ty TNHH điện tử T đã ký biên bản nghiệm thu công trình đợt 1 và biên bản này đã được gửi đến Công ty cổ phần phát triển F. Nên Công ty TNHH Xây dựng S cho rằng đây là thời điểm Công ty cổ phần phát triển F chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Bị đơn Công ty cổ phần phát triển F, do ông Nguyễn Xuân C đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty cổ phần phát triển F được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang giao cho quyền sử dụng đất khu Công nghiệp để kinh doanh hạ tầng khu Công nghiệp. Công ty cổ phần phát triển F được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ khu CN K - N phía nam. Nhà đầu tư thứ cấp (tức Công ty TNHH điện tử T hoặc bất kỳ công ty nào khác) vào khu CN thuê đất thì phải trả tiền thuê hạ tầng, phí bảo dưỡng hàng năm, phí xử lý nước thải...

Nhà thầu (tức Công ty TNHH Xây dựng S) đi vào xây dựng cho nhà đầu tư thứ cấp (Công ty TNHH điện tử T) thì phải nộp phí hạ tầng trong thời gian xây dựng và đặt tiền cọc để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F theo quy định của Công ty cổ phần phát triển F.

Theo đó, ngày 25/12/2019 Công ty TNHH Xây dựng S đã ký Biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI. Theo biên bản cam kết này thì Công ty TNHH Xây dựng S đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty cổ phần phát triển F trước khi thi công 7 ngày và

thời gian thi công là từ ngày 25/12/2019 đến ngày 31/7/2020. Ngày 14/01/2020 Công ty TNHH Xây dựng S đã chuyển đủ số tiền đặt cọc cho Công ty cổ phần phát triển F số tiền 200.000.000 đồng như cam kết.

Tháng 9/2020 Công ty cổ phần phát triển F đã nhận được Công văn đề nghị trả số tiền đặt cọc theo biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI; biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đợt 1 giữa Công ty TNHH điện tử T và Công ty TNHH Xây dựng S .

Công ty cổ phần phát triển F nhận thấy những hồ sơ nêu trên chưa đủ cơ sở căn cứ để Công ty cổ phần phát triển F hoàn trả số tiền đặt cọc theo khoản 2 Mục III của biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ Fuji ngày 25/12/2019. Cụ thể theo khoản 2 quy định như sau: Khi hoàn tất quá trình thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI có thông báo và gửi kèm hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt), thanh lý xong các hợp đồng tiện ích, nếu bên B (Công ty TNHH Xây dựng S) không còn vướng mắc gì, bên A (Công ty cổ phần phát triển F) kiểm tra và xác nhận bên B (Công ty TNHH Xây dựng S) không gây hư hỏng các tài sản chung của khu Công nghiệp thì bên A (Công ty cổ phần phát triển F) sẽ hoàn trả số tiền đặt cọc này cho Bên B (Công ty TNHH Xây dựng S). Phía Công ty TNHH Xây dựng S chưa hoàn thành các nội dung khoản 2 mục III như bản cam kết.

Tuy Công ty TNHH Xây dựng S chưa đủ điều kiện như trong bản cam kết để Công ty cổ phần phát triển F hoàn trả tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, nhưng khi Tòa án đến làm việc vào ngày 04/8/2022 với Công ty cổ phần phát triển F, thì ngày 05/8/2022 phía Công ty cổ phần phát triển F đã thiện chí hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng S số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng rồi. Về số tiền này đến nay cổ phần phát triển F không có ý kiến hay đề nghị gì. Nay, Công ty TNHH Xây dựng S rút yêu cầu này thì Công ty cổ phần phát triển F nhất trí, không có ý kiến gì.

Phía công ty TNHH Xây dựng S đến nay vẫn yêu cầu Công ty cổ phần phát triển F phải trả tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/9/2020 (ngày Công ty TNHH điện tử T ký biên bản nghiệm thu) theo yêu cầu của công ty họ thì Công ty cổ phần phát triển F hoàn toàn không đồng ý.

Lý do là: Theo biên bản cam kết tại khoản 2, khoản 3 mục III các thủ tục liên quan giữa hai bên chưa được hoàn thiện và cũng không có điều khoản tính lãi. Đồng thời điều khoản quan trọng nhất là phía bên Công ty TNHH Xây dựng S không có hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt (

theo khoản 2 mục III bản cam kết), cơ quan chức năng ở đây là Ban quản lý khu Công nghiệp tỉnh Bắc Giang, đáng lẽ ra phải có hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt và bên Công ty cổ phần phát triển F xác nhận không có hư hỏng gì mới được trả lại tiền đặt cọc, nhưng đến nay phía Công ty TNHH Xây dựng S vẫn không cung cấp được các văn bản trên. Tòa án làm việc Công ty cổ phần phát triển F đã thiện chí trả 200.000.000 đồng cho họ rồi, cái này là do Công ty thiện chí trả, chứ Công ty chưa có nghĩa vụ phải trả vì họ không có hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt và bên Công ty cổ phần phát triển F cũng chưa xác nhận là không có hư hỏng gì.

Họ cho rằng Công ty cổ phần phát triển F chậm thanh toán từ ngày 01/9/2020 và yêu cầu tính tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán của họ là không đúng. Công ty cổ phần phát triển F không chậm thanh toán (chưa có hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt và bên Công ty cổ phần phát triển F chưa xác nhận không có hư hỏng gì đã thanh toán rồi) nên không thể cho rằng Công ty cổ phần phát triển F chậm thanh toán và yêu cầu tính lãi chậm trả được.

Ngày 31/10/2022, Tòa án nhân dân huyện Y đã mở phiên tòa xét xử vụ án. Tại phiên tòa Công ty TNHH Xây dựng S vẫn giữ nguyên yêu cầu Công ty cổ phần phát triển F phải trả Công ty TNHH Xây dựng S số tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/9/2020 (ngày Công ty TNHH Điện tử T ký biên bản nghiệm thu) tính đến hết ngày 04/8/2022. Tuy nhiên, nay công ty không yêu cầu số tiền là 53.928.767 đồng nữa mà chỉ yêu cầu số tiền là 38.493.000 đồng thôi. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác

Đại diện viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Quá trình tạm ngừng phiên tòa Tòa án tiến hành đưa thêm người tham gia gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty TNHH Điện tử T.

Công ty TNHH Điện tử T do ông Jeong Kyu J - Tổng giám đốc công ty đại diện theo pháp luật trình bày từ tiếng Hàn Quốc sang tiếng Việt Nam, được ông Nguyễn Văn TR phiên dịch công ty dịch như sau: Ngày 19/02/2020 Công ty TNHH Điện tử T có ký hợp đồng thi công xây dựng với Công ty TNHH Xây dựng S về việc thi công xây dựng và công tác cơ điện, thời gian hoàn thành đến ngày 31/7/2020. Tuy nhiên giai đoạn 1 hai bên đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận và không thực hiện thêm các gia đoạn nào khác. Phía Công ty TNHH

Điện tử T có văn bản xác nhận thi công xây dựng không hư hỏng gì (biên bản nghiệm thu công trình đợt 1). Ông có biết việc khi đi vào thi công xây dựng Công ty TNHH Điện tử T thì phía công ty TNHH Xây dựng S phải nộp phí hạ tầng trong thời gian xây dựng và đặt tiền cọc để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F theo quy định của Công ty cổ phần phát triển F. Tuy nhiên, nội dung bản cam kết và số tiền đặt cọc cụ thể giữa hai công ty trên thì ông không nắm được cụ thể. Tòa án làm việc ông mới biết. Ông cho rằng về nội dung tranh chấp giữa hai bên công ty TNHH Xây dựng S và Công ty cổ phần phát triển F, công ty ông không liên quan, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về việc xác nhận không có hư hỏng gì khi thi công công trình (biên bản nghiệm thu công trình đợt 1), công ty ông xác nhận việc này là do công ty TNHH Xây dựng S đề nghị xác nhận thì ông xác nhận, chứ không có nghiệm thu, kiểm tra trên thực tế.

Ngoài ra, ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử ngay và xét xử vắng mặt công ty ông.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Công ty cổ phần phát triển F và Công ty TNHH Điện tử T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt

Công ty TNHH Xây dựng S do ông Chu Bá Đ đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đến nay Công ty TNHH Xây dựng S yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần phát triển F phải trả Công ty TNHH Xây dựng S số tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/9/2020 (ngày Công ty TNHH điện tử T ký biên bản nghiệm thu) tính đến hết ngày 04/8/2022, số tiền là 38.493.000 đồng. Lý do tính từ ngày 01/9/2020 là vì ngày 01/9/2020 là ngày Công ty TNHH điện tử T ký biên bản nghiệm thu và là ngày Công ty cổ phần phát triển F bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán; còn đến hết ngày 04/8/2022 là vì ngày 05/8/2022 thì ngày bên phía Công ty cổ phần phát triển F đã thanh toán trả 200.000.000 đồng rồi nên phía Công ty TNHH Xây dựng S chỉ yêu cầu tính đến hết ngày 04/8/2022.

Về số tiền đặt cọc 200.000 đồng để đảm bảo an toàn thi công xây dựng phía bị đơn đã trả nên Công ty TNHH Xây dựng S xin rút yêu cầu khởi kiện này, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 513, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518 Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218; Điều 150, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74, Điều 75, Điều 78, Điều 79, Điều 81, Điều 82, Điều 87, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng S về việc buộc Công ty cổ phần phát triển F phải trả 200.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng S về việc buộc Công ty cổ phần phát triển F phải trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/9/2020 tính đến hết ngày 04/8/2022, số tiền là 38.493.000 đồng.

Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng S phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.180.000 đồng. Trả lại Công ty TNHH Xây dựng S số tiền là 3.180.000 đồng.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty cổ phần phát triển F và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH điện tử T đều có đơn xin xét

xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn trong vụ án là Công ty cổ phần phát triển F, có địa chỉ tại khu công nghiệp K- N phía nam, xã Tiền Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Theo qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý vụ án là đúng qui định.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH Xây dựng S và Công ty cổ phần phát triển F là quan hệ kinh doanh thương mại giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh đều có mục đích lợi nhuận, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Công ty cổ phần phát triển F được ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang giao cho quyền sử dụng đất khu Công nghiệp để kinh doanh hạ tầng khu Công nghiệp. Công ty cổ phần phát triển F được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ khu CN K - N phía nam. Nhà đầu tư thứ cấp (tức Công ty TNHH điện tử T) vào khu CN thuê đất thì phải trả tiền thuê hạ tầng, phí bảo dưỡng hàng năm, phí xử lý nước thải...Nhà thầu (Công ty TNHH Xây dựng S) đi vào xây dựng cho nhà đầu tư thứ cấp (Công ty TNHH điện tử T) thì phải nộp phí hạ tầng trong thời gian xây dựng và đặt tiền cọc để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F theo quy định Công ty cổ phần phát triển F.

Theo đó Công ty TNHH Xây dựng S có ký biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu công nghiệp phụ trợ Fuji và có đặt cọc cho Công ty cổ phần phát triển F số tiền 200.000.000 đồng để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F. Như vậy, phía bên Công ty cổ phần phát triển F thực hiện cho Công ty TNHH Xây dựng S đi vào thi công xây dựng công trình cho bên Công ty TNHH điện tử T, Công ty TNHH Xây dựng S phải nộp phí hạ tầng trong thời gian xây dựng và đặt tiền cọc để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F. Căn cứ vào điều 513 BLDS đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

[4]. Về nội dung vụ án:

Ngày 25/12/2019 Công ty TNHH Xây dựng S đã ký biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI với Công ty cổ phần phát triển F. Theo biên bản cam kết này thì Công ty TNHH Xây dựng S đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty cổ phần phát triển F để đảm bảo

an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F khi công ty TNHH Xây dựng S đi vào thi công xây dựng tại công ty TNHH điện tử T. Thời gian thi công là ngày 25/12/2019 đến ngày 31/7/2020. Ngày 14/01/2020 Công ty TNHH Xây dựng S đã chuyển đủ số tiền đặt cọc cho Công ty cổ phần phát triển F số tiền 200.000.000 đồng như cam kết.

Trong quá trình thi công, Công ty TNHH Xây dựng S đã hoàn thành việc xây dựng với Công ty TNHH điện tử T và được Công ty TNHH điện tử T lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đợt 1 vào ngày 01/9/2020, nội dung là xác nhận đã hoàn thành công trình. Theo nghiệm thu còn thể hiện Công ty TNHH Xây dựng S đã đạt chất lượng kỹ thuật như trong tiêu chuẩn kỹ thuật và trong hợp đồng 2 bên đã ký kết và phía Công ty TNHH Xây dựng S không gây hư hỏng hay làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường .

Ngày 18/9/2020 Công ty TNHH Xây dựng S đã gửi Công văn đề nghị Công ty cổ phần phát triển F hoàn trả số tiền đặt cọc theo thỏa thuận, trong đó đã xác định hoàn toàn tuân thủ các cam kết mà Ban quản lý khu công nghiệp yêu cầu, đã thanh toán đầy đủ số tiền duy tu, bảo trì đường bộ và không có bất kỳ vi phạm nào. Tuy nhiên, Công ty cổ phần phát triển F đã không trả lại số tiền đặt cọc.

Ngày 20/10/2020 Công ty TNHH Xây dựng S tiếp tục gửi mail đến Công ty cổ phần phát triển F yêu cầu hoàn trả số tiền đặt cọc nhưng Công ty cổ phần phát triển F vẫn không trả.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trên, ngày 05/8/2022 phía Công ty cổ phần phát triển F đã hoàn trả tiền đặt cọc 200.000.000 đồng cho Công ty TNHH Xây dựng S nên Công ty TNHH Xây dựng S không yêu cầu về số tiền đặt cọc này nữa và có đơn xin rút đối với yêu cầu này.

Đến phiên tòa hôm nay Công ty TNHH Xây dựng S chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần phát triển F phải trả Công ty TNHH Xây dựng S số tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/9/2020 tính đến hết ngày 04/8/2022, số tiền là 38.493.000 đồng.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng S , Hội đồng xét xử thấy:

[5.1]. Về số tiền Công ty TNHH Xây dựng S đặt cọc 200.000.000 đồng để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng cho Công ty cổ phần phát triển F khi công ty TNHH Xây dựng S đi vào thi công xây dựng tại công ty TNHH điện tử T thì quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là Công ty cổ phần phát triển F đã trả

cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công ty TNHH xây dựng S xin rút đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5.2]. Về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng S là yêu cầu Công ty cổ phần phát triển F phải trả họ số tiền lãi do chậm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/9/2020 tính đến hết ngày 04/8/2022, cụ thể là 38.493.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào biên bản cam kết đảm bảo an toàn thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI ngày 25/12/2019 , tại khoản 2, khoản 3 mục III của bản cam kết có nêu: *Khi hoàn tất quá trình thi công xây dựng trong khu CN phụ trợ FUJI có thông báo và gửi kèm hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt), thanh lý xong các hợp đồng tiện ích, nếu bên B (Công ty TNHH Xây dựng S) không còn vướng mắc gì, bên A (Công ty cổ phần phát triển F) kiểm tra và xác nhận bên B (Công ty TNHH Xây dựng S) không gây hư hỏng các tài sản chung của khu Công nghiệp thì bên A (Công ty cổ phần phát triển F) sẽ hoàn trả số tiền đặt cọc này cho Bên B (Công ty TNHH Xây dựng S).*

Theo nội dung cam kết trên thì để được trả lại tiền đặt cọc thì Công ty TNHH Xây dựng S phải có thông báo và gửi kèm theo hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt (quá trình Tòa án làm việc các bên đều cho rằng cơ quan chức năng ở đây là Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang) và phải có kiểm tra và xác nhận không gây hư hỏng các tài sản chung của khu công nghiệp của Công ty cổ phần phát triển F. Tuy nhiên, quá trình làm việc và đến tại phiên tòa hôm nay thì phía Công ty TNHH Xây dựng S không cung cấp được 2 văn bản trên.

Đồng thời qua xác minh tại Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Ông Nguyễn Văn H - phó trưởng phòng ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang và ông Nguyễn Xuân T1 - Trưởng phòng quản lý doanh nghiệp Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cho biết: Công ty cổ phần phát triển F là công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp nên các bên ký cam kết để đảm bảo thi công trình ở khu công nghiệp với Công ty cổ phần phát triển F. Công ty TNHH Xây dựng S cũng ký cam kết với Công ty cổ phần phát triển F. Ban quản lý khu công nghiệp không nhận được bất kỳ đề nghị nào về việc hoàn công công trình mà không có hư hỏng gì của Công ty TNHH Xây dựng S , Công ty cổ phần phát triển F cũng như Công ty TNHH điện tử T. Trong trường hợp nhận được đề nghị thì Ban quản lý còn phải đến hiện trường để kiểm tra, xem xét có hư hỏng công

trình của khu công nghiệp phụ trợ Fuji không, nếu có hư hỏng thì Ban quản lý mới xác nhận.

Phía bên Công ty TNHH Xây dựng S cho rằng: Công ty TNHH Xây dựng S đã có văn bản xác nhận của Công ty TNHH điện tử T về việc hoàn thành các công việc theo thỏa thuận (hết giai đoạn 1 dự án) và không tiếp tục thực hiện thêm các giai đoạn xây dựng nào khác, chỉ thi công giai đoạn 1 nên không có thông báo của cơ quan chức năng như trong biên bản cam kết được, Hội đồng xét xử thấy: Tại Bản cam kết không có thỏa thuận nào về việc chia giai đoạn hoàn thành, miễn là khi hoàn thành phải có hồ sơ hoàn công công trình được cơ quan chức năng phê duyệt (văn bản này thì phía bên Công ty TNHH Xây dựng S không cung cấp được). Giả sử Công ty TNHH Xây dựng S cung cấp được văn bản đó thì căn cứ tại khoản 2, khoản 3 mục III của Bản cam kết vẫn phải có kiểm tra và xác nhận của Công ty cổ phần phát triển F về việc không gây hư hỏng các tài sản chung của khu công nghiệp thì Công ty TNHH Xây dựng S mới đủ điều kiện được trả lại số tiền đặt cọc.

Bên cạnh đó cả Công ty TNHH Xây dựng S và Công ty TNHH điện tử T xác nhận là việc dừng thi công ở giai đoạn 1 là do Công ty TNHH Xây dựng S và Công ty điện tử T tự thỏa thuận với nhau. Ngoài ra, Công ty cổ phần phát triển F cũng trình bày là không biết việc này.

Từ những phân tích nêu trên, phải khẳng định phía Công ty TNHH Xây dựng S chưa đủ điều kiện để được trả tiền đặt cọc 200.000.000 đồng mà bên Công ty cổ phần phát triển F đã trả họ số tiền này rồi. Công ty TNHH Xây dựng S cho rằng từ ngày 01/9/2020 (ngày Công ty TNHH điện tử T ký biên bản nghiệm thu cho công ty S) là ngày chậm thanh toán tiền đặt cọc để đảm bảo an toàn thi công xây dựng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/9/2020 đến hết ngày 04/8/2022 và yêu cầu Công ty cổ phần phát triển F phải trả lãi chậm thanh toán từ ngày 01/9/2020 đến hết ngày 04/8/2022, số tiền là 38.493.000 đồng là không có căn cứ. Vì theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Tuy nhiên phía bên Công ty cổ phần phát triển F không có việc chậm thanh toán số tiền đặt cọc trên. Do vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH Xây dựng S không được chấp nhận nên Công ty TNHH Xây dựng S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 513, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518 Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218; Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74, Điều 75, Điều 78, Điều 79, Điều 81, Điều 82, Điều 87, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

II. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng S về việc buộc Công ty cổ phần phát triển F phải trả 200.000.000 đồng tiền đặt cọc

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng S về việc buộc Công ty cổ phần phát triển F phải trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/9/2020 đến hết ngày 04/8/2022, số tiền là 38.493.000 đồng.

III. Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng S phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.180.000 đồng theo biên lai số: 0009600 ngày 05/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trả lại Công ty TNHH Xây dựng S số tiền là 3.180.000 đồng.

IV. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện Y;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CCTHA dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Anh